

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/DS-PT

Ngày: 19/11/2020

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Văn Thiện

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Ông Lâm Quang Trực, Cán sự thực hiện nhiệm vụ Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2020/TLPT-DS ngày 12/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án số 101/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2020/QĐ-PT ngày 13/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2020/QĐ-PT ngày 29/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Phạm Hùng E, sinh năm 1968; cư trú: ấp C, xã Đ1, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Lương Tường H, Luật sư Công ty luật An G – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Dương Hoàng Đ, sinh năm 1974 và chị Phạm Thị Út E1, sinh năm 1975; cùng cư trú: ấp H1, xã Mỹ Đ1, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người kháng cáo: anh Dương Hoàng Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, ông Phạm Hùng E trình bày và yêu cầu như sau: ngày 28/3/2019, anh Hùng E với vợ chồng anh Đ – chị Út E1 thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán thức ăn cho cá, theo thỏa thuận anh Hùng E sẽ giao thức ăn cá cho anh Đ - chị Út E1 kể từ ngày 28/3/2019 đến ngày 12/10/2019, khi vợ chồng anh Đ bán cá sẽ trả lại tiền thiếu thức ăn, giá thức ăn là 11.500 đồng/kg. Tuy nhiên đến ngày 12/10/2019, vợ chồng anh Đ không bán cá nên buộc anh phải giao tiếp thức ăn cho vợ chồng anh Đ đến ngày 05/12/2019 thì cộng sổ lại vợ chồng anh Đ còn nợ anh 44 tấn thức ăn, thành tiền là 506.000.000 đồng. Do anh Đ, chị Út E1 vi phạm các điều kiện đã ký kết trong hợp đồng nên anh khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị Út E1 phải có trách nhiệm trả lại số tiền mua thức ăn cho cá còn nợ là 506.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ ngày 31/01/2020 đến khi vợ chồng anh Đ thanh toán hết số tiền nợ.

* Bị đơn, anh Dương Hoàng Đ trình bày: anh và vợ là chị Phạm Thị Út E1 có ký hợp đồng mua thức ăn cá của anh Hùng E như anh Hùng E trình bày. Ngày 05/12/2019 anh Hùng E giao thêm cho anh 05 tấn thức ăn, tổng các lần anh Hùng E giao thức ăn đến ngày 05/12/2019 cho vợ chồng anh là 44 tấn, giá mỗi ký thức ăn là 11.500 đồng/kg, tổng số tiền vợ chồng anh còn nợ anh Hùng E tính đến ngày 05/12/2019 là 506.000.000 đồng. Nay anh Hùng E yêu cầu vợ chồng anh trả lại tiền nợ thức ăn là 506.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 31/01/2020 đến khi thanh toán xong nợ thì chỉ đồng ý trả số tiền 506.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

* Bị đơn, chị Phạm Thị Út E1 thống nhất với trình bày của anh Đ.

Tại Bản án số 101/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 506.000.000 đồng và tiền lãi là 20.374.000 đồng.

Buộc các bị đơn anh Dương Hoàng Đ và chị Phạm Thị Út E1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn anh Phạm Hùng E tổng số tiền là 526.374.000 đồng (nợ gốc 506.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 30/6/2020 là 20.374.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền lãi do chậm thi hành án, về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/7//2020, anh Dương Hoàng Đ kháng cáo bản án với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền lãi và không đồng ý chịu tiền án phí.

Tại phiên tòa, anh Phạm Hùng E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Dương Hoàng Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Dương Hoàng Đ cho rằng do anh Hùng E không tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi dẫn đến cá không phát triển làm thương lái không đồng ý mua và vì vậy không thể trả tiền cho anh Hùng E; đồng thời anh yêu cầu anh Phạm Hùng E phải bồi thường do không tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi cá với số tiền 30% tiền nợ 506.000.000 đồng; đồng thời xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi, biên bản thanh lý hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi được anh Phạm Hùng E, anh Dương Hoàng Đ và chị Phạm Thị Út E1 giao kết hoàn toàn tự nguyện; theo biên bản thanh lý thì anh Đ – chị Út E1 phải thanh toán trong hạn 30 ngày kể từ ký biên bản thanh lý và do anh Đ – chị Út E1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã buộc anh Đ – chị Út E1 trả 506.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ; đối với vấn đề anh Đ yêu cầu anh Hùng E bồi thường, vấn đề này mới phát sinh và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: căn cứ hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi, biên bản thanh lý thì chậm nhất ngày 30/01/2020 vợ chồng anh Đ phải trả cho anh Hùng E số tiền 506.000.000 đồng nhưng vợ chồng anh Đ không thực hiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng anh Đ phải trả số tiền trên và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là đúng quy định, anh Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì khác và mặc dù anh Đ có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh khó khăn nhưng xét trường hợp vợ chồng anh Đ không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: anh Dương Hoàng Đ kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Đối với vấn đề anh Đ yêu cầu anh Phạm Hùng E bồi thường 30% số tiền 506.000.000 đồng do không tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi cá, Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, chưa được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoàng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh Đ cho rằng do anh Hùng E không tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi cá như thỏa thuận dẫn đến cá nuôi thiếu thức ăn, ốm làm thương lái không đồng ý mua và vì vậy không có tiền để anh thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi cá đã mua của anh Hùng E, không phải do anh bội tính nên anh không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán và chịu tiền án phí.

Lời khai nại trên của anh Đ không có cơ sở chấp nhận vì theo hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi, anh Phạm Hùng E chỉ phải cung cấp thức ăn chăn nuôi cá cho anh Đ đến ngày 12/10/2019 với số lượng 32 tấn, anh Hùng E đã thực hiện đúng như thỏa thuận và thậm chí đã tiếp tục cung cấp thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Đ với số lượng 12 tấn; đến ngày 30/12/2019 các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và theo đó, chậm nhất đến ngày 30/01/2020 anh Đ – chị Út E1 phải trả cho anh Hùng E 506.000.000 đồng nhưng vợ chồng anh chị không thực hiện là đã có vi phạm cam kết, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã buộc vợ chồng anh Đ – chị Út E1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 506.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 20.374.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu không tính lãi chậm trả của anh Dương Hoàng Đ.

[4] Về án phí: anh Đ có đơn xin miễn giảm án phí với lý do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nhưng xét thấy anh Đ – chị Út E1 không thuộc trường hợp được miễn giảm án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin miễn giảm án phí.

Do kháng cáo của anh Dương Hoàng Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Đ còn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Hoàng Đ.

Giữ nguyên Bản án số 101/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 506.000.000 đồng và tiền lãi là 20.374.000 đồng.

Buộc các bị đơn anh Dương Hoàng Đ và chị Phạm Thị Út E1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phạm Hùng E tổng số tiền là 526.374.000 đồng (nợ gốc 506.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 31/01/2020 đến ngày 30/6/2020 là 20.374.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Các bị đơn anh Dương Hoàng Đ và chị Phạm Thị Út E1 cùng phải chịu 25.054.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Dương Hoàng Đ còn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003628 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Anh Phạm Hùng E được nhận lại 12.120.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: TU/2017/0006335 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng